

Mã đề: 01

A. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm - mỗi lựa chọn đúng 0,25 điểm).

Câu 1. Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

- A. 19 giờ. B. 17 giờ. C. 21 giờ. D. 15 giờ.

Câu 2. Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục theo hướng

- A. từ tây sang đông. B. từ đông sang tây.
C. từ nam lên bắc. D. từ bắc xuống nam.

Câu 3. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

- A. các đường kinh, vĩ tuyến. B. các mũi tên chỉ hướng.
C. bảng chú giải, tỉ lệ bản đồ. D. mép bên trái tờ bản đồ.

Câu 4. Cùng một lúc, trên Trái Đất có bao nhiêu giờ khác nhau?

- A. 24 giờ. B. 22 giờ. C. 23 giờ. D. 21 giờ.

Câu 5. Trái Đất luôn nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc bao nhiêu độ?

- A. $56^{\circ}30'$ B. $33^{\circ}33'$ C. $76^{\circ}00'$ D. $66^{\circ}33'$

Câu 6. Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời thì Trái Đất nằm ở vị trí thứ

- A. 4 B. 6 C. 3 D. 5

Câu 7. Kí hiệu bản đồ có mấy loại?

- A. 5 B. 3 C. 7 D. 1.

Câu 8. Trên bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

- A. 12. B. 24. C. 48. D. 20.

Câu 9. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường

- A. vĩ tuyến gốc. B. kinh tuyến. C. kinh tuyến gốc. D. vĩ tuyến.

Câu 10. Trước khi sử dụng bản đồ phải nghiên cứu rất kĩ phần

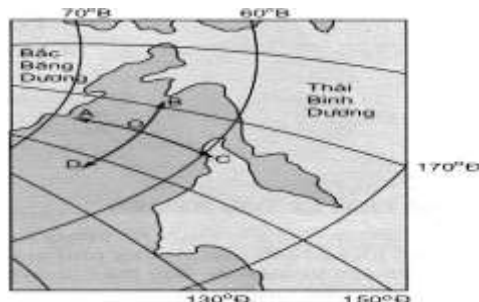
- A. tỉ lệ bản đồ. B. bảng chú giải và kí hiệu bản đồ.
C. kí hiệu bản đồ. D. bảng chú giải.

B. TỰ LUẬN (2,5 điểm).

Câu 1 (1,0 điểm). Vì sao có hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất?

Câu 2 (0,5 điểm). Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1: 800000 khoảng cách giữa thành phố Kon Tum đến thị trấn Đăk Tô là 5cm. Vậy trên thực tế khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 3 (1,0 điểm). Quan sát hình bên, cho biết các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D.



___HẾT___

Mã đề: 02

A. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm - mỗi lựa chọn đúng 0,25 điểm).

Câu 1. Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

- A. 15 giờ. B. 21 giờ. C. 17 giờ. D. 19 giờ.

Câu 2. Cùng một lúc, trên Trái Đất có bao nhiêu giờ khác nhau?

- A. 21 giờ. B. 22 giờ. C. 23 giờ. D. 24 giờ.

Câu 3. Kí hiệu bản đồ có mấy loại?

- A. 5 B. 7 C. 3 D. 1.

Câu 4. Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời thì Trái Đất nằm ở vị trí thứ

- A. 4 B. 6 C. 3 D. 5

Câu 5. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường

- A. kinh tuyến. B. vĩ tuyến gốc. C. kinh tuyến gốc. D. vĩ tuyến.

Câu 6. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào

- A. mép bên trái tờ bản đồ. B. các mũi tên chỉ hướng.
C. các đường kinh, vĩ tuyến. D. bảng chú giải, tỉ lệ bản đồ.

Câu 7. Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục theo hướng

- A. từ đông sang tây. B. từ bắc xuống nam.
C. từ nam lên bắc. D. từ tây sang đông.

Câu 8. Trước khi sử dụng bản đồ phải nghiên cứu rất kĩ phần

- A. kí hiệu bản đồ. B. bảng chú giải và kí hiệu bản đồ.
C. tỉ lệ bản đồ. D. bảng chú giải.

Câu 9. Trái Đất luôn nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc bao nhiêu độ?

- A. $33^{\circ}33'$ B. $66^{\circ}33'$ C. $56^{\circ}30'$ D. $76^{\circ}00'$

Câu 10. Trên bề mặt Trái Đất được chia thành mấy khu vực giờ?

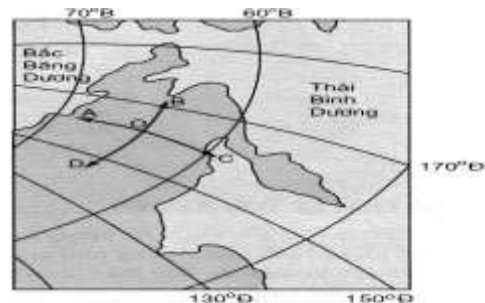
- A. 20. B. 24. C. 48. D. 12.

B. TỰ LUẬN (2,5 điểm).

Câu 1 (1,0 điểm). Vì sao có hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất?

Câu 2 (0,5 điểm). Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1: 800000 khoảng cách giữa thành phố Kon Tum đến thị trấn Đắk Tô là 5cm. Vậy trên thực tế khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 3 (1,0 điểm). Quan sát hình bên, cho biết các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D.



HẾT

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- **Phần trắc nghiệm:** Từ câu 1 - câu 10: mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

- **Phần tự luận:**

+ Hướng dẫn chỉ nêu những ý chính và thang điểm chủ yếu. Những bài làm sáng tạo, có kiến giải riêng so với đáp án, nếu lập luận thuyết phục, kiến thức chính xác, khoa học, thì giáo viên cho điểm tối đa.

+ Tùy vào bài làm của học sinh, giáo viên linh hoạt ghi điểm sao cho phù hợp (thang điểm nhỏ nhất 0.25 điểm).

II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

A. Trắc nghiệm (2,0 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
MD 1	B	A	A	A	D	C	B	B	B	B
MD 2	C	D	C	C	A	C	D	B	B	B

B. Tự luận (2,5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	- Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời. - Trong quá trình chuyển động trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng. Nên độ dài thời gian ban ngày và thời gian ban đêm có sự thay đổi theo mùa.	0,5 0,5
2 (0,5 điểm)	Đổi $800\ 000\text{cm} = 8\text{ km}$ Khoảng cách từ thành phố Kon Tum đến thị trấn Đăk Tô ngoài thực tế là: $8\text{ km} \times 5 = 40\text{ km}$	0,25 0,25
3 (1,0 điểm)	- Các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D: + O đến A: theo hướng bắc. + O đến C: theo hướng nam. + O đến B: theo hướng đông. + O đến D: theo hướng tây.	Mỗi địa điểm đúng đạt 0,25

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO NHÀ
TRƯỜNG


Bùi Thị Như Thảo

TỔ CHUYÊN MÔN



Lê Thị Loan

GIÁO VIÊN RA ĐỀ



Nguyễn Quốc Hiệp

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ	4TN *					1TL*		1TL*	25% (2,5đ)
2	Trái Đất - hành tinh của hệ Mặt Trời	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	4TN*		2TN*	1TL*					25% (2,5đ)
Tổng			8TN		2TN	1TL		1TL		1TL	13câu (5,0 đ)
Tỉ lệ %			20%		15%		10%		5%		50%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	– Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ – Các yếu tố cơ bản của bản đồ – Các loại bản đồ thông dụng – Lược đồ trí nhớ	Nhận biết - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. Thông hiểu - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Vận dụng - Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. Vận dụng cao - Xác định được hướng trên bản đồ - Biết tìm đường đi trên bản đồ. - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.	4TN*		1TL*	1TL*
	Trái đất - hành tinh của hệ Mặt Trời	– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Nhận biết - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. Thông hiểu - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên	4TN*	2TN*		

		nhau - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. Vận dụng - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.		1TL*		
Tổng			8 TN	2 TN + 1TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %			20%	15%	10%	5%

